

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02073** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục QP - An ninh**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011227	Nguyễn Thiện Tâm	12/02/1994		9	8	9.5			9.6		9.4
2	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988		10	9	9.0			9.8		9.6
3	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984		8	10	10.0			9.6		9.6
4	2253801011230	Nguyễn Thanh Tú	01/01/1988		0	0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998		10	8	8.5			9.6		9.3
6	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980		6	8	9.5			9.0		8.7
7	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992		9	8	10.0			6.8		7.8
8	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982		9	8	9.0			8.8		8.8
9	2253801011548	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990			9	10			9.8		9.7
10	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979		8	8	9.5			7.0		7.7
11	2253801012870	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	01/10/1982		10	8	8.0			0.0		3.4
12	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996		9	9	8.5			8.8		8.8
13	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993		10	8	8.0			9.0		8.8
14	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983		7	7	8.5			7.8		7.8
15	2253801013396	Võ Quốc Đông	18/09/1988		0	0	0.0			0.0	0.0	0.0
16	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992		9	8	8.0			7.4		7.7
17	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984		9	7	6.0			5.4		6.0
18	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990		10	8	9.0			9.4		9.2
19	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992		9	8	9.5			9.0		9.0
20	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996		9	8	9.5			9.0		9.0
21	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991		8	8	9.0			7.2		7.7

Châu Đốc, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Chương